TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 12 - 2020
Về tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Huỳnh Hải Đăng;**

2. Bà **Lê Ngọc Trầm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Du** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **V. T. H. T**, sinh năm 1985; địa chỉ: số nhà C2/3, ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Anh **L. Q. D**, sinh năm 1978; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 7/4C, tổ 01, ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ nơi cư trú: số nhà B10/2 (số mới: 15), ấp P, xã B, huyện H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị V. T. H. T trình bày:

Chị và anh L. Q. D chung sống vợ chồng vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống chung giữa chị và anh D không có hạnh phúc do anh D không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, say xỉn và nhiều lần có hành vi hành hung, đánh đập và đe dọa tính mạng của chị. Cha mẹ hai bên đã khuyên can nhưng anh D vẫn không thay đổi. Đến khoảng năm 2007 anh D đi chấp hành án nhưng vẫn hăm dọa sau khi ra tù sẽ tìm chị để giết chị. Vì lo sợ nên anh D vừa ra tù thì chị đưa con đi nơi khác sinh sống. Chị và anh D không còn sống chung nhà từ năm 2007 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung tên L. V. Q, sinh ngày 18/6/2005, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có ai khác nợ lại vợ chồng chị.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2020 của anh L. Q. D thể hiện:

Anh D thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Anh và chị T chung sống bình thường cho đến năm 2006 thì chị T đi làm công nhân nên anh nghi ngờ chị T có người khác, do nóng giận nên anh có đánh vợ. Sau đó, do được cha mẹ hai bên hòa giải nên vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống. Đến tháng 10/2007 thì anh phải đi chấp hành án phạt tù. Đến năm 2009 anh ra tù thì chị T đã đưa con đi khỏi địa phương nên từ năm 2009 cho đến nay vợ chồng không gặp nhau lần nào. Nay anh cho rằng chị T không còn tình cảm với anh nữa và bản thân anh cũng không còn tin tưởng chị T về tình cảm nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Khi ly hôn, anh D yêu cầu giải quyết về con chung theo nguyện vọng của con, nếu cháu Q muốn sống với anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nếu cháu Q có nguyện vọng được sống với chị T thì anh đồng ý giao con cho chị T nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con do hiện tại anh không có việc làm, không có thu nhập. Anh và chị T chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng

đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Chị T, anh D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh D là có căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Toà án đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận chị T và anh D ly hôn; giao cháu L. V. Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị V. T. H. T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh L. Q. D có đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử sơ thẩm. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh D theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị V. T. H. T và anh L. Q. D chung sống vợ chồng từ năm 2003, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng cuộc sống chung giữa chị và anh D không có hạnh phúc do anh D không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu, say xỉn và có hành vi hành hung, đánh đập, đe dọa tính mạng của chị. Anh D trình bày anh chỉ đánh chị T một lần, nguyên nhân là do năm 2006 chị T đi làm công nhân nên anh nghi ngờ chị T có tình cảm với người khác. Như vậy, giữa chị T và anh D đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2006. Đến năm 2007 thì anh D đi chấp hành án nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2007. Chị T cho rằng mặc dù anh D đã đi chấp hành án nhưng vẫn hăm dọa sau khi ra tù sẽ tìm chị để giết chị nên khi anh D vừa ra tù thì chị đưa con đi nơi khác sinh sống. Chị T và anh D đều thống nhất từ khi anh D chấp hành án xong và trở về địa phương cho đến nay thì vợ chồng không gặp nhau lần nào. Nay chị T cho rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D. Anh D cũng cho rằng chị T không còn tình cảm với anh nữa và bản thân anh cũng không còn tin tưởng chị T về tình cảm nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh D chung sống có 01 người con chung tên L. V. Q, sinh ngày 18/6/2005. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D yêu cầu giải quyết về con chung theo nguyện vọng của con, nếu con theo anh thì anh đồng ý nuôi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nếu con theo chị T thì anh đồng ý giao con cho chị T nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Qua tham khảo ý kiến của cháu Q thì cháu Q có nguyện vọng được sống với chị T. Xét thấy, cháu Q đã sống ổn định với chị T từ năm 2007 cho đến nay và hiện tại cháu Q đang học tại tỉnh Bình Dương. Trong thời gian cháu Q sống với chị T thì chị chăm sóc con rất tốt, đảm bảo đầy đủ các điều kiện học tập và sinh hoạt cho con. Vì vậy, để tránh làm xáo trộn môi trường sống, sinh hoạt và học tập của cháu Q nên cần giao cháu Q cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V. T. H. T đối với anh L. Q. D.

Chị V. T. H. T được ly hôn với anh L. Q. D.

2. Về con chung: Giao cháu L. V. Q, sinh ngày 18/6/2005 cho chị V. T. H. T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh D không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị V. T. H. T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009181 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNGXÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Phạm Thị Yến

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- UBND xã B, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.